

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2020
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thị Quế – Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 10/8/2020 tại Hội trường xét xử TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2020/TLST- HNGĐ ngày 20/7/ 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/ QĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh ngày 07/7/1987.

Nơi ĐKKHKT: xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu B, sinh ngày 05/02/1982.

Nơi ĐKKHKT: xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị L, nội dung bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Hữu B cưới nhau vào tháng 5/2007, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới chị L, anh B đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 32 /2007 ngày 02/5/2007. Sau khi cưới và đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc năm 2009, đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu theo chị L là do anh B thường xuyên uống rượu say, bê tha không chăm lo hạnh phúc gia đình, thường kiếm cớ gây chuyện với vợ, không chăm lo cho cuộc sống của vợ con, thậm chí còn đánh đập vợ nhiều lần, mọi việc trong gia đình để vợ lo liệu một mình. Với mong muốn xây dựng hôn nhân bền vững,

chị L đã động viên chồng từ bỏ những thói hư tật xấu, nhất là từ bỏ việc uống rượu để tỉnh táo điều khiển hành vi tiếp tục duy trì hôn nhân. Anh B đã hứa với vợ con bỏ rượu nhiều lần nhưng đều không thực hiện được, hứa trước quên sau, ngày càng uống nhiều rượu, say xỉn thường xuyên. Do không từ bỏ thói hư tật xấu khi uống rượu say, anh B thường xuyên, dọa đánh, dọa giết vợ làm cho tinh thần của chị L lúc nào cũng bất an. Đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra sâu sắc đỉnh điểm, hai vợ chồng tự hòa giải, gia đình hai bên cũng đã phân tích động viên vợ chồng cố gắng để duy trì hôn nhân, nhưng không có kết quả gì. Chị L thấy hôn nhân của giữa chị và anh B đã đổ vỡ không thể hàn gắn, chỉ đã về bên ngoại kể từ ngày 29/12/2019. Sau đó chị L cùng với con thuê nhà tại thành phố Đà Nẵng chỉ đi làm công, nhập học cho con tại Đà Nẵng. Sau khi chị L vào Đà Nẵng anh B thỉnh thoảng có ghé qua thăm con, tiếp tục gây sự đối với chị sau đó về quê, không có ý thực liên lạc để níu kéo hôn nhân. Chị L xác định hôn nhân giữa chị và anh Phạm Hữu B đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như chị mong muốn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hữu B.

Anh Phạm Hữu B thống nhất, nhất trí về thời gian và các điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như chị Trần Thị L đã trình bày. Theo anh B nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản là do anh có uống rượu say, không làm chủ được bản thân, đã đánh đập, chửi bới xúc phạm vợ nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do nguyên nhân mâu thuẫn trên chị L cũng đã khuyên bảo anh B từ bỏ thói hư tật xấu nhiều lần, tuy nhiên nhiều lúc vui vẻ với bạn bè anh không cưỡng nổi tiếp tục uống rượu say, lại gây sự với vợ nên chị L thấy mất hết niềm tin đối với chồng, nên chị L đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ đối với anh từ ngày 29/12/2019 đến nay. Anh B nhận thức được hôn nhân đổ vỡ lỗi là do anh, anh đã xin lỗi chị L, hứa không uống rượu, nhưng chị L cũng không chấp nhận. Anh B thấy đang còn rất yêu vợ, đang còn tình cảm đối với chị L, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải giải quyết ly hôn, mong chị L suy nghĩ lại thông cảm, tha thứ cho anh để cùng nhau xây dựng hôn nhân bền vững cùng nhau nuôi dạy con chung trưởng thành. Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn, anh B đề nghị Tòa án không giải quyết cho chị được ly hôn anh.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có con 02 con chung cháu Phạm Thị Quỳnh T (Giới tính: nữ) sinh ngày 27/12/2007 và Phạm Hữu K (Giới tính: nam), sinh ngày 06/02/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân 02 con chung đang được chị L đưa vào Đà Nẵng nơi chị L làm thuê trực tiếp chăm sóc nuôi dạy con ăn học, anh B không hề có trách nhiệm gì đối với con chung kể cả vật chất và tinh thần. Trường hợp tòa án giải quyết ly hôn chị L đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì các con đều có mong muốn sinh sống trực tiếp với mẹ, chị L không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hữu B thừa nhận sau khi vợ chồng sống ly thân chị L đưa 02 con chung đến Đà Nẵng nơi chị L làm thuê, nuôi dạy, ăn học thì anh không có trách nhiệm gì đối với con chung là đúng. Anh B cho rằng lỗi không có trách nhiệm đối với con chung không thuộc về anh mà do chị L không yêu cầu anh thực hiện nên anh không quan tâm đến con cái về vật chất và tinh thần. Anh B biết rằng nếu vợ chồng ly

hôn chắc chắn không có cháu nào có nguyện vọng mong muốn sinh sống với anh. Nhưng anh vẫn đề nghị Tòa án xem xét giao 02 con chung cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được Tòa án chấp nhận giao nuôi 02 con, anh đề nghị giao cho anh được nuôi 01 con chung không phân biệt cháu lớn hay cháu nhỏ.

- **Về quan hệ tài sản:** Chị Trần Thị L, anh Phạm Hữu B không yêu cầu tòa giải quyết.

XÉT THẤY:

-Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+) Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Hữu B đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị L, anh B là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 32/2007 ngày 02/5/2007, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Hữu B là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị L, anh Phạm Hữu B đã xảy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc. Nguyên nhân cơ bản là do lỗi của anh B là thường xuyên uống rượu say, không làm chủ được bản thân, kiêu căng, dụng chuyện, xúc phạm, đánh đập vợ nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2010, chị L đã tìm mọi cách để níu kéo hôn nhân nhưng không có kết quả. Đầu năm 2019 thì mâu thuẫn cũ của vợ chồng tái diễn, xảy ra sâu sắc trầm trọng làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ buộc chị L phải sống ly thân đi vào Đà Nẵng làm thuê, đưa con chung vào ăn học trong đó để làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình nhưng không có kết quả gì, điều này cho thấy chị L đã mất hết tình cảm đối với chồng, hôn nhân giữa chị L và anh B đã thực sự tan rã, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, nay chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hữu B là có căn cứ, cần xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Hữu B.

+) Về quan hệ con chung: Sau khi sống ly thân 02 con chung được chị L đưa vào Đà Nẵng nuôi dạy cho ăn học. Mặc dù không được anh B hỗ trợ về vật chất, lẫn tinh thần để nuôi con nhưng chị L vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan thể hiện trách nhiệm cao của người mẹ trong việc nuôi dạy con.

Con chung của vợ chồng đã trên 7 tuổi, không có cháu nào có mong muốn được sinh sống với anh B nếu bố mẹ ly hôn, mà có nguyện vọng được sinh sống với mẹ để được mẹ nuôi ăn học đầy đủ. Xét đây là nguyện vọng chính đáng của các con của chị L, anh B. Nếu giao 02 con chung hoặc một con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì sẽ không tốt cho các cháu về mọi mặt ảnh hưởng đến việc học hành, xáo trộn về tâm sinh lý, tình cảm của các cháu đối với nhau. Đề đảm bảo

quyền lợi con chung của vợ chồng được phát triển về mọi mặt, cần giao 02 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hợp lý, đúng pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Trần Thị L không yêu cầu anh Phạm Hữu B thực hiện nghĩa vụ cấp nuôi con chung, nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Hữu B cho đến khi có yêu cầu.

+) Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị L, anh Phạm Hữu B không yêu cầu tòa giải quyết, nên miễn xét.

+) Về án phí: Buộc chị Trần Thị L phải nộp án phí theo qui định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Hữu B.

- **Về quan hệ con chung:** Giao 02 con chung cháu Phạm Thị Quỳnh T (Giới tính: nữ) sinh ngày 27/12/2007 và Phạm Hữu Khoa (Giới tính: nam), sinh ngày 06/02/2012 cho Trần Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Hữu B cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Phạm Hữu B người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0007448 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS H. Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh NA
- UBND xã C (ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu hs, VP

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc